

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày 23-9-2025

V/v Tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thương

2. Ông Nguyễn Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hương K, sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: Số U đường M, tổ O, thôn Đ8, xã H, tỉnh L; Nơi cư trú: Số nhà P đường Ng, thôn Đ7, xã H, tỉnh L (Trước đây là khu phố Đ4, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh B).

- Bị đơn: Anh Bùi Đình D, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Số U đường M, tổ O, thôn Đ8, xã H, tỉnh L (Trước đây là khu phố Đ5, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh B).

Chị K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/07/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Hương K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh Bùi Đình D tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh L (Trước đây là Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh B) vào năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ ruột của anh D tại tổ O, thôn Đ8, xã H, tỉnh L. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều điểm khác biệt trong đời sống hàng ngày, không thể hòa hợp dẫn đến cãi nhau, vợ chồng

đã cố gắng điều chỉnh để hiểu nhau hơn nhưng tình trạng vẫn không cải thiện. Chị K về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng đã ly thân gần 02 năm nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay, chị K nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Đình D.

Về con chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Bùi Đình D đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh D không đến Tòa án làm việc, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Ngày 20/08/2025, Tòa án xác minh tại địa phương về nơi cư trú, tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa chị Bùi Thị Hương K và anh Bùi Đình D tại nơi cư trú và được cung cấp: Anh Bùi Đình D có đăng ký thường trú và sinh sống tại số U đường M, tổ O, thôn Đ8, xã H, tỉnh L. Sau khi kết hôn chị Bùi Thị Hương K chuyển về sinh sống cùng với anh Bùi Đình D tại nhà cha mẹ ruột anh D tại địa chỉ trên. Quá trình chung sống, giữa chị K và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Từ giữa tháng 6 năm 2024, chị K chuyển về nhà mẹ ruột sinh sống. Hiện tại, hai vợ chồng chị K và anh D không còn sống chung với nhau nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2010, chị K, anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh L (Trước đây là Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh B), do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị K, anh D đã trầm trọng thể hiện ở việc vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, chị K không còn tình cảm và không muốn tiếp tục sống chung với anh D, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2024 đến nay, không còn chung sống cùng nhau. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng giữa chị K và anh D không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D không đến Tòa án làm việc để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay chị K yêu cầu ly hôn cần chấp nhận; Về con chung, về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị K không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 15/9/2025 và ngày 23/9/2025 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hương K và anh Bùi Đình D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh L (Trước đây là Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh B) và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 155/2010, ngày 13/10/2010, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Theo tài liệu, chứng cứ thu thập và lời khai của chị Bùi Thị Hương K: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ ruột anh D tại số U đường M, tổ O, thôn Đ8, xã H, tỉnh L. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều điểm khác biệt trong đời sống hàng ngày, không thể hòa hợp dẫn đến cãi nhau, vợ chồng đã cố gắng điều chỉnh để hiểu nhau hơn nhưng tình trạng vẫn không cải thiện. Từ tháng 6 năm 2024, chị K về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay, chị K nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Đình D.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Bùi Đình D đến làm việc để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh D không có mặt. Bên cạnh đó, chị Bùi Thị Hương K cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải với anh Bùi Đình D. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh, chị đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

[4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc anh Bùi Đình D bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân, cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị K và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Bùi Thị Hương K.

[5] Về con chung: Chị K không yêu cầu giải quyết về con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của chị Bùi Thị Hương K đối với anh Bùi Đình D. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Hương K phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Hương K đối với anh Bùi Đình D về việc ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hương K được ly hôn với anh Bùi Đình D.

1.2. Về con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị Hương K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002186 ngày 12/08/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Chị Bùi Thị Hương K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND KV 17 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV 17 – Lâm Đồng;
- UBND xã H, tỉnh L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung